TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 111/2023/DS-PT Ngày: 11- 9 - 2023 V/v: Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chia di sản thừa kế.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chia di sản thừa kế" do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định bị ông Nguyễn Văn N và NLQ1 kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2023/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 89/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1947; ĐKTT: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc H: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1978; Nơi thường trú: 618 HH2A L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* NLQ1, sinh năm 1943; ĐKTT: Số nhà 214, phố V, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 214, phố V, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ NLQ2, sinh năm 1952 (vợ ông H); ĐKTT: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ2: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1978; Nơi thường trú: 618 HH2A L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

+ NLQ3, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 8, phố L, khu đô thị T, phường L, TP N, tỉnh Nam Định.

+ NLQ4, sinh năm 1958;

+ NLQ5, sinh năm 1953;

+ NLQ6, sinh năm 1963;

+ NLQ7;

+ NLQ8, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

+ NLQ9, sinh năm 1965; địa chỉ: Phòng 707, nhà G5, khu đô thị Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

+ NLQ10, sinh năm 1975; địa chỉ: Phòng 609, nhà G5, khu đô thị Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

+ NLQ11, sinh năm 1946;

+ NLQ12, sinh năm 1953;

+ NLQ13, sinh năm 1962;

+ NLQ14, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ11, NLQ12, NLQ13 và NLQ14: Ông Nguyễn Văn N - là nguyên đơn trong vụ án.

+ NLQ15;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quang T - Chủ tịch NLQ15

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H1 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nam Trực.

Tại phiên tòa: Có mặt anh H, NLQ1; các đương sự khác trong vụ án đều vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2020, bản tự khai ngày 14/11/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông và ông H là hai anh em con chú con bác, bố ông là cụ Nguyễn Văn T1 (chết năm 1984) và mẹ ông là cụ Hoàng Thị K (chết năm 1992) các cụ sinh được 05 người con gồm: NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14 và ông (Nguyễn Văn N), trước khi chết bố mẹ ông không để lại di chúc.

Về nguồn gốc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 13 diện tích 285m^2 ở Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là của ông cha để lại cho bố ông là Nguyễn Văn T1 và bố ông H là Nguyễn Văn T2. Đất có vị trí: Phía Bắc giáp hộ ông Ngay; phía Nam giáp hộ ông Oanh; phía Đông giáp hộ bà Đào và phía Tây giáp hộ bà Thêu; diện tích các cạnh cụ thể bao nhiêu mét ông không biết.

Quá trình sử dụng: Trước năm 1963, bố mẹ ông xây nhà cấp 4 về phía Nam của thửa đất để ở, còn gia đình cụ T2 ở phía Bắc hai nhà có ngõ đi chung. Đến năm 1963 theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, bố mẹ ông đưa các con lên Bắc Giang lập nghiệp, gửi nhà đất lại cho bố mẹ ông H trông coi hộ (chỉ nói miệng không có văn bản gì). Năm 1982, ông H tự kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và phá nhà của bố mẹ ông san lấp làm vườn (hiện nay móng nhà vẫn còn) mà gia đình ông không ai biết. Ngày 17/12/2004, NLQ15, tỉnh Nam Định đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Ngọc H với diện tích 285m^2 tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 13 thôn Bình Yên, xã Nam Thanh.

Ngày 08/01/2018 các anh, em, con cháu cụ T2 và cụ T1 (gồm các NLQ1, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn Sớm, Nguyễn Văn N, NLQ3 và anh Nguyễn Văn Mỵ) lập biên họp bàn và thống nhất: Thửa đất số 100 mang tên ông H do cha ông để lại nên không bán; 04 anh em gồm NLQ1, ông H, ông N và NLQ11 được quyền sử dụng và đứng tên trong sổ đỏ, thế hệ sau giao lại cho ông Nguyễn Văn Mỵ (cháu đích tôn của ông Nguyễn Văn T2), nhưng sau đó ông Nguyễn Ngọc H thay đổi ý kiến cho rằng thửa đất này không bán, không sang tên cho ai, giữ nguyên tên Hải để xây từ đường chung. Ông N không nhất trí với ý kiến của ông H nên làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 626/QĐ-UB ngày 17/12/2004 cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc H;

- Buộc gia đình ông Nguyễn Ngọc H phải trả lại 1/2 diện tích đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ 13 tại thôn Bình Yên, xã Nam Thanh do bố mẹ ông (cụ T1) để lại là 142m^2 cho gia đình ông.

Tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai ngày 20/11/2020 và quá trình tố tụng tại tòa án NLQ1 trình bày: Ông và ông N là hai anh em con chú con bác và là anh trai của ông Nguyễn Ngọc H. Bố ông là Nguyễn Văn T2 chết năm 1973, mẹ ông là Bùi Thị Chắt chết năm 2009, bố mẹ sinh được 04 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Nền (chết năm 2009), NLQ3 và ông Nguyễn Ngọc H và ông (Nguyễn Thế Vạn). Trước khi chết, bố mẹ ông không để lại di chúc.

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp và quá trình sử dụng đất ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của ông N buộc ông H phải trả cho ông N 1/2 thửa đất số 100, tờ bản đồ 13 tại thôn Bình Yên, xã Nam Thanh hiện đứng tên ông H cho những người thừa kế của cụ T1 do ông N làm đại diện. 1/2 thửa đất còn lại là của cụ T2 (bố ông), ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1: Anh Nguyễn Đức T nhất trí với trình bày của NLQ1 anh không có ý kiến bổ sung nào khác.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng ông không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông N và yêu cầu độc lập của NLQ1 gửi cho Tòa án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: NLQ2, NLQ3; ông Nguyễn Văn My; NLQ5; NLQ6; NLQ7; bà Nguyễn Thị Hà; NLQ9; NLQ10: Các ông bà đều đã được Tòa án tống đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng các ông bà đều không đến tòa án để làm việc, cũng không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của ông N và yêu cầu độc lập của NLQ1.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ15 có ý kiến: Căn cứ bản đồ địa chính 299 xã Nam Thanh lập năm 1984, thể hiện tờ bản đồ số 3, thửa 1346, diện tích 350m^2 loại đất T (thổ cư), ghi tên chủ: Hải; Bản đồ địa chính xã Nam Thanh lập năm 1993, thể hiện tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 13, diện tích 285m^2 (đất ở 230m^2, đất vườn 55m^2), ghi tên: Hải; Quyết định cấp GCNQSDĐ số 626/QĐ-UB ngày 17/12/2002 kèm theo danh sách hộ gia đình sử dụng đất hợp pháp; Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 quy định: Người sử dụng đất ổn định được UNBD xã, phường thị trấn xác nhận thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ; Theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 và Nghị quyết của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai thì Thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình thuộc Thẩm quyền của UBND cấp huyện. Do vậy, việc NLQ15 đã cấp GCNQSDĐ số: 626/QĐ-UB ngày 17/12/2004 đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ 13, diện tích 285m^2 tại thôn Bình Yên, xã Nam Thanh cho ông Nguyễn Ngọc H là có căn cứ. Do vậy, đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đề nghị Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Ngọc H là không có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như các nội dung đã trình bày trên; anh Nguyễn Đức T giữ nguyên yêu cầu độc lập của NLQ1 như các nội dung NLQ1 đã trình bày trên. Anh không nhất trí ý kiến trình bày của đại diện NLQ15 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc H là đúng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án một cách công tâm, thấu tình, đạt lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông N và gia đình anh.

Từ nội dung nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 221, Điều 236; Điều 612, 649 Bộ luật dân sự năm 2015*;* điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu "Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" đối với thửa số 100, tờ bản đồ số 13, diện tích 285m^2 tại thôn Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực tỉnh Nam Định, do NLQ15, tỉnh Nam Định cấp ngày 17/12/2004 cho ông Nguyễn Ngọc H; Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc "Đòi quyền sử dụng đất" đối với 142m^2 đất, tại thửa số 100, tờ bản đồ số 13, diện tích 285m^2 tại thôn Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Ngọc H; Không chấp nhận yêu cầu độc lập của NLQ1 về việc "Chia di sản thừa kế" đối với 1/2 diện tích đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 13, diện tích 285m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Ngọc H tại thôn Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực tỉnh Nam Định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 27/5/2023, ông Nguyễn Văn N làm đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 13/2023/DSST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực. Lý do của việc kháng cáo: Tòa án bác yêu cầu của tôi về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc H ở thôn Yên Bình, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực để lấy phần đất của bố mẹ ông để lại 142m^2 cho gia đình ông là chưa khách quan, toàn diện, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của gia đình ông. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

Ngày 29/5/2023, NLQ1 làm đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 13/2023/DSST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực. Lý do của việc kháng cáo: Không chấp nhận phán quyết của Bản án dân sự sơ thẩm vì Tòa án đã không xem xét đến thực tế quản lý, sử

dụng nhà đất. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Ngày 22/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận được đơn xin thôi không kháng cáo của ông Nguyễn Văn N (có xác nhận của UBND xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang).

Tại phiên tòa phúc thẩm, NLQ1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N; không chấp nhận kháng cáo của NLQ1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm; về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn N và NLQ1 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

Ngày 22/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận được đơn xin thôi không kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, đơn có xác nhận của UBND xã Nghĩa Trung là nơi ông N cư trú. Vì vậy, HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của NLQ1:

[2.1] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất:

Theo sổ mục kê và bản đồ địa chính 299 xã Nam Thanh lập năm 1984, thể hiện tại tờ bản đồ số 3, thửa 1346, diện tích 350m^2 loại đất T (thổ cư), ghi tên chủ: Hải; Sổ mục kê và bản đồ địa chính xã Nam Thanh lập năm 1993, thể hiện thửa đất số 100, tờ bản đồ số 13, diện tích 285m^2 (đất ở 230m^2, đất vườn 55m^2), ghi tên: Nguyễn Văn Hải; Quyết định của UBND huyện Nam Trực cấp GCNQSDĐ số 626/QĐ-UB ngày 17/12/2002 kèm theo danh sách hộ gia đình sử dụng đất hợp pháp, GCNQSDĐ cấp ngày 17/12/2004 cho ông Nguyễn Ngọc H;

Quá trình sử dụng: Ông N và NLQ1 đều trình bày trước năm 1963 gia đình ông Nguyễn Văn T1 có căn nhà cấp 4 ở phía Bắc của thửa đất. Năm 1963, cụ T1

đưa vợ và các con đi lập nghiệp tại tỉnh Bắc Giang có gửi nhà đất cho ông Nguyễn Văn T2 (bố ông H) trông coi hộ nhưng chỉ nói miệng nên ông N không có tài liệu chứng cứ để chứng minh, cũng từ đó gia đình cụ T1 cùng các con không ai về sử dụng diện tích đất này, phần nhà đất của cụ T2 vẫn còn nguyên hiện trạng, việc ông H tự ý kê khai đăng ký quyền sử dụng đất như thế nào các ông không biết. Theo chủ trương chính sách của nhà nước về việc đo đạc và giao đất cho các hộ đang sử dụng trên toàn quốc vào năm 1982, vợ chồng cụ T1 cùng các con không ai về để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định. Hơn nữa thời điểm đó bà Chắt là mẹ đẻ ông H và NLQ1 đang sinh sống trên thửa đất này, nhưng bà không thực hiện việc kê khai, sử dụng. Trong khi đó ông H là người trực tiếp quản lý nên được cơ quan có thẩm quyền đã cho kê khai, đã có tên trên bản đồ địa chính 299 và sổ mục kê của xã Nam Thanh lập từ năm 1984. Khi có việc các anh chị em trong gia đình cụ T2 và cụ T1 vẫn về thăm quê thăm người thân và đến năm 2009 bà Chắt chết cũng không ai có ý kiến tranh chấp gì với ông H.

[5] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá ngày 10/3/2022:

Tổng diện tích đất mang tên ông Nguyễn Ngọc H là 274m^2, so với GCNQSDĐ đã cấp có diện tích 285m^2 thì đất nhà ông H thiếu 11m^2; Giá trị quyền sử dụng đất đang tranh chấp tại thời điểm định giá theo giá thị trường ở địa phương: Đối với đất ở trị giá là 4.000.000 đồng/m^2 và đất vườn là 1.000.000 đồng/m^2. Tài sản trên đất giá trị còn lại tại thời điểm định giá theo giá thị trường ở địa phương gồm: Nhà, công trình phụ, bể nước tổng trị giá là 174.305.000 đồng.

[6] Quan điểm của NLQ15, tỉnh Nam Định: Căn cứ vào bản đồ địa chính và sổ mục kê qua các thời kỳ xã Nam Thanh lập năm 1984, 1993; Quyết định cấp GCNQSDĐ số 626/QĐ-UB ngày 17/12/2002 kèm theo danh sách hộ gia đình sử dụng đất hợp pháp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Luật Đất đai năm 2003 và Nghị quyết của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai thì việc NLQ15 cấp GCNQSDĐ số: 626/QĐ-UB ngày 17/12/2004 đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ 13, diện tích 285m^2 tại thôn Bình Yên, xã Nam Thanh cho ông Nguyễn Ngọc H là có căn cứ.

[7] Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: NLQ2, NLQ3, anh Mỵ, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9 và anh Thắng biết việc Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc đòi di sản là quyền sử dụng đất của cụ T1 để lại và yêu cầu độc lập của NLQ1 về việc đề nghị chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ T2 để lại hiện ông H đang đứng tên quản lý sử dụng cho các con theo quy định của pháp luật. Nhưng các ông bà đều không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông N và yêu cầu độc lập của NLQ1 gửi cho Tòa án.

[8] Căn cứ nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất. Hội đồng xét xử xác định: Ông N và NLQ1 đều thừa nhận diện tích đất ông Nguyễn Ngọc H đang quản lý là của cha ông để lại trước đây gia đình ông Nguyễn Văn T2, bà Bùi Thị Chắt (bố mẹ NLQ1, ông H…) và ông Nguyễn Văn T1, bà Hoàng Thị K (bố mẹ ông N…) đã sử dụng. Tuy nhiên, trên toàn hệ thống Bản đồ địa chính xã Nam Thanh gồm: Bản đồ 299 và sổ mục kê năm lập 1984, bản đồ chỉnh lý năm 1993 và sổ mục kê năm lập 1993 không có bất cứ tài liệu nào thể hiện đất đứng tên ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Văn T1. Trong khi đó ông Nguyễn Ngọc H đã có quá trình sử dụng lâu dài, có tên trong hệ thống bản đồ địa chính và sổ mục kê xã Nam Thanh từ năm 1984 với diện tích 385m^2; bản đồ chỉnh lý năm 1993 với diện tích 285m^2 và đã được NLQ15, tỉnh Nam Định cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Ngọc H từ năm 2004; điều này chứng tỏ ông H đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 và khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Hơn nữa, ông N và NLQ1 đều thừa nhận gia đình ông N đi lập nghiệp tại tỉnh Bắc Giang từ năm 1963, cụ T1 chết năm 1984, cụ K chết năm 1994. Phía gia đình NLQ1: Cụ T2 chết năm 1974, bà Chắt chết 2009, NLQ1, ông Nền và NLQ3 (con của cụ T2, bà Chắt) đều thoát ly sinh sống ở nơi khác, riêng ông Nguyễn Ngọc H sống chung với mẹ (bà Chắt) ổn định tại địa phương từ trước năm 1980 đến năm 2018 mới xảy ra tranh chấp và năm 2020 ông N và NLQ1 mới làm đơn khởi kiện. Như vậy, thời gian ông Nguyễn Ngọc H công khai sử dụng đất liên tục đến thời điểm xảy ra tranh chấp đã hơn 30 năm, anh chị em của ông N và NLQ1, NLQ3, các con của ông Nền khi có việc vẫn về quê chơi, thăm người thân đều biết nhưng không ai có ý kiến tranh chấp gì. Theo quy định khoản 2 Điều 176, Điều 255 Bộ luật Dân sự năm 1995 và khoản 2 Điều 221, Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tài sản trên đã xác lập quyền sử hữu cho Nguyễn Ngọc H theo quy định.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và yêu cầu độc lập của NLQ1 về việc đề nghị hủy GCNQSDĐ do NLQ15, tỉnh Nam Định cấp cho ông Nguyễn Ngọc H đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ 13, diện tích 285m^2 tại Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Do quyền sử dụng đất hiện nay ông Nguyễn Ngọc H đang sử dụng không phải là di sản thừa kế khi vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 chết để lại nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc "Đòi tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất" và yêu cầu độc lập của NLQ1 về việc "Chia di sản thừa kế" đối với thửa đất số 100 tại thôn Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực theo pháp luật.

[9] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nam Trực xác định quan hệ pháp luật,

tư cách của những người tham gia tố tụng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sư.

Về nội dụng; Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã áp dụng quy định của Bộ luật dân sự, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại cấp phúc thẩm, các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới nên không có cơ sở xem xét kháng cáo của NLQ1. HĐXX quyết định không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[11] Về án phí: Ông Nguyễn Văn N, NLQ1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308; khoản 9 Điều 26, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 221, Điều 236; Điều 612, 649 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N.

2. Không chấp nhận kháng cáo của NLQ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu "Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" đối với thửa số 100, tờ bản đồ số 13, diện tích 285m^2 tại thôn Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực tỉnh Nam Định, do NLQ15, tỉnh Nam Định cấp ngày 17/12/2004 cho ông Nguyễn Ngọc H;

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc "Đòi quyền sử dụng đất" đối với 142m^2 đất, tại thửa số 100, tờ bản đồ số 13, diện tích 285m^2 tại thôn Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Ngọc H.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của NLQ1 về việc "Chia di sản thừa kế" đối với 1/2 diện tích đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 13, diện tích 285m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Ngọc H tại thôn Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực tỉnh Nam Định.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N, NLQ1 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Anh Tuấn